HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2011/NQ-HĐND	*Tuy Hòa, ngày 21 tháng 9 năm 2011*

NGHỊ QUYẾT
Về thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011-2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 71/2003/NĐ-CP, ngày 19 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-TTg, ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, giai đoạn 2010-2015;

Sau khi xem xét Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011-2015 kèm theo Tờ trình số 39/TTr-UBND, ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011-2015, với những nội dung cơ bản như sau:

1. Thực hiện một số mục tiêu cụ thể

- Củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp bảo đảm đến năm 2015 có 95% số trẻ em trong độ tuổi 5 tuổi được học 2 buổi/ngày.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với các lớp mầm non 5 tuổi, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, phấn đấu đến năm 2015 có 100% trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non được học Chương trình giáo dục mầm non mới, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1.

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, đảm bảo 100% giáo viên dạy mầm non 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo vào năm 2012,

phấn đấu đến năm 2015 có trên 60% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá.

- Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mầm non 5 tuổi ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tại các huyện nghèo làm mô hình mẫu và là nơi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ giáo dục mầm non.

- Phấn đấu đến năm 2013 đạt 3/9 (33,3%) huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đến năm 2015 đạt 9/9 (100%) huyện, thị xã, thành phố đạt phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi.

2. Kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011-2015 là: 268 tỷ đồng. Trong đó:

- Kinh phí xây dựng phòng học, phòng chức năng: 222 tỷ đồng.

- Kính phí mua sắm trang thiết bị, đồ chơi: 31 tỷ đồng.

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ trẻ em khó khăn đến lớp: 15 tỷ đồng.

b) Nguồn kinh phí thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011-2015 là: 268 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách nhà nước (85%): 228 tỷ đồng; nguồn kinh phí khác (15%): 40 tỷ đồng.

(Kèm theo Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011 - 2015)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2011./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI TỈNH PHÚ YÊN, GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Kèm theo Nghị quyết số 25/2011/NQ-HĐND ngày 21/9/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi ở mọi địa bàn trong tỉnh đều được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ 2 buổi/ngày, đủ 1 năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm thế sẵn sàng đi học; bảo đảm chất lượng cần thiết để trẻ 5 tuổi có thể vào học lớp 1 một cách thuận lợi, dễ dàng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp bảo đảm đến năm 2015 có 95% số trẻ em trong độ tuổi 5 tuổi được học 2 buổi/ngày.

b) Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với các lớp mầm non 5 tuổi, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, phấn đấu đến năm 2015 có 100% trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non được học Chương trình giáo dục mầm non mới, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1.

c) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, đảm bảo 100% giáo viên dạy mầm non 5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo vào năm 2012, phấn đấu đến năm 2015 có trên 60% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá.

d) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mầm non 5 tuổi ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tại các huyện nghèo làm mô hình mẫu và là nơi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ giáo dục mầm non.

e) Phấn đấu đến năm 2013 đạt 3/9 (33,3%) huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đó là thành phố Tuy Hòa, huyện Phú Hòa, huyện Tây Hòa; đến năm 2015 đạt 9/9 (100%) huyện, thị, thành phố đạt phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi.

II. Điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Thực hiện theo Thông tư số 32/2010/TT-BGDĐT ngày 02/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

III. Nhiệm vụ và giải pháp chính

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn toàn tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở giáo dục mầm non

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng xã hội về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đối với mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực của đất nước và địa phương.

b) Thực hiện lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông phong phú, đa dạng như: sử dụng băng, đĩa hình, panô, áp phích… thông qua báo, đài địa phương; tổ chức các hội nghị, hội thảo, các cuộc họp phụ huynh học sinh để phổ biến sâu rộng các nội dung của Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các bậc cha mẹ và toàn xã hội cùng tham gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

2. Tăng cường huy động trẻ em 5 tuổi đến lớp

a) Hàng năm, huy động hầu hết trẻ em 5 tuổi đến lớp mầm non để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày; duy trì và giữ vững số trẻ em dưới 5 tuổi đến các cơ sở giáo dục mầm non dưới nhiều hình thức. Đến năm 2015, quy mô trẻ em mầm non 5 tuổi của toàn tỉnh ra lớp là 100%; duy trì 70% số trẻ 3 đến 4 tuổi đến lớp mẫu giáo và 20% số trẻ đến nhà trẻ.

b) Hàng năm, đưa chỉ tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào chương trình; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để chỉ đạo triển khai thực hiện; đưa kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào tiêu chuẩn bình xét, đánh giá các trường, các cấp chính quyền, đoàn thể, bình xét gia đình văn hóa và đơn vị văn hóa. Cấp ủy, chính quyền địa phương giao trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn phối hợp vận động các gia đình đưa trẻ em 5 tuổi đến trường, lớp học 2 buổi/ngày.

c) Phát huy các sáng kiến của nhân dân, cộng đồng trong việc động viên các bậc cha mẹ đăng ký đưa trẻ đến trường, lớp để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

d) Có chính sách hỗ trợ trẻ em từ 3-5 tuổi thuộc các đối tượng diện chính sách sau đây có điều kiện đi học các lớp mầm non: Cha mẹ thường trú ở các xã

miền núi, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; mồ côi cả cha lẫn mẹ không có nơi nương tựa; bị tàn tật, khuyết tật và khó khăn về kinh tế; cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của nhà nước (theo Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLB-BGD ĐT-BTC, ngày 15/7/2011).

e) Tổ chức các loại hình trường lớp phù hợp, tạo cơ hội cho trẻ em 5 tuổi được đến trường: Bắt đầu từ năm 2011, duy trì, giữ vững số trẻ em dưới 5 tuổi ra lớp công lập không thấp hơn mức hiện có, phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

3. Đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục mầm non

a) Triển khai thực hiện đại trà chương trình giáo dục mầm non cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ 5 tuổi; tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp 1.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non, phấn đấu đến năm 2015 có ít nhất 70% số trường mầm non được tiếp cận với tin học.

c) Triển khai và thực hiện bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

a) Tăng cường năng lực điều hành, chỉ đạo của cán bộ quản lý các trường mầm non; tập trung xây dựng đội ngũ giáo viên mầm non đủ về số lượng và không ngừng được nâng cao về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu phổ cập và đổi mới giáo dục mầm non.

- Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cho các trường mầm non; tiếp tục tuyển mới giáo viên mầm non đạt chuẩn trở lên, bảo đảm đến năm 2015 toàn tỉnh có đủ giáo viên dạy các lớp mầm non 5 tuổi theo định mức quy định. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng của giáo viên dạy các trường và cơ sở giáo dục mầm non tư thục;

- Động viên và tổ chức cho giáo viên mầm non đang công tác tại các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số học tiếng dân tộc nhằm tăng cường giao tiếp và hướng dẫn trẻ dân tộc hiệu quả hơn;

- Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, coi trọng việc cập nhật những chủ trương, quan điểm tiên tiến, những kinh nghiệm bổ ích và đặc biệt là những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho giáo viên có thể thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới một cách hiệu quả.

b) Bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý.

- Ban hành mức thu học phí, lệ phí hợp lý nhằm tăng nguồn thu hợp pháp ở những nơi thuận lợi, cha mẹ trẻ có khả năng chi hỗ trợ thêm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường mầm non;

- Có chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ, giáo viên đến công tác tại các vùng khó khăn nhằm đảm bảo chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tại các vùng này;

- Các cơ sở giáo dục mầm non tư thục bảo đảm chế độ lương cho giáo viên không thấp hơn ở các cơ sở giáo dục mầm non công lập và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định hiện hành.

5. Xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị giáo dục, bảo đảm ngân sách cho các lớp mầm non 5 tuổi

a) Xây dựng đủ phòng học, phòng chức năng cho các lớp mầm non 5 tuổi:

- Xây dựng đủ phòng học, phòng chức năng cho các lớp mầm non 5 tuổi ở các xã vùng khó khăn của các huyện, thị xã, thành phố; bảo đảm các xã nêu trên đều có trường mầm non với quy mô ít nhất 3 lớp ở điểm chính. Ở trung tâm và các điểm lớp lẻ cần xây dựng phòng học kiên cố theo hướng chuẩn hóa;

- Từng năm sẽ xây dựng theo chương trình kiên cố hóa trường lớp và trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn đã được quy định tại Điều lệ trường mầm non, bảo đảm có đủ phòng học và phấn đấu mở rộng các loại phòng chức năng khác cho tất cả các lớp mầm non 5 tuổi;

- Đến năm 2015 có thêm ít nhất 20 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I .

b) Bảo đảm đủ thiết bị và đồ chơi để thực hiện chương trình giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:

- 100% trường mầm non được trang bị máy vi tính và được kết nối mạng Internet vào năm 2015;

- Đến năm 2015 trang bị bộ thiết bị tối thiểu và bộ thiết bị nội thất dùng chung cho 100% lớp mầm non năm tuổi để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới, cung cấp đủ số thiết bị cho các nhóm/trẻ em dưới năm tuổi có đủ điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới;

- Hàng năm có kế hoạch kiểm tra, bổ sung, thay thế đồ chơi rẻ tiền mau hỏng, lạc hậu trong các bộ thiết bị đã cấp; khuyến khích động viên cán bộ, giáo viên làm đồ dùng dạy học;

- Trang bị đủ bộ thiết bị phần mềm trò chơi làm quen với vi tính cho các trường, lớp có điều kiện; trang bị đủ bộ đồ chơi ngoài trời cho 100% trường mầm non vào năm 2015.

c) Bảo đảm ngân sách chi thường xuyên cho hoạt động chăm sóc, giáo dục mầm non 5 tuổi:

- Các địa phương nghiêm túc thực hiện định mức chi thường xuyên cho giáo dục mầm non theo quy định của Nhà nước, từng bước nâng định mức chi thường xuyên cho trẻ mẫu giáo hằng năm bảo đảm khoảng 20% ngân sách giáo dục mầm non được chi cho hoạt động chuyên môn. Đặc biệt quan tâm đến các vùng khó khăn, vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

a) Lồng ghép các chương trình dự án khác nhau trên cùng một địa bàn và huy động các nguồn lực hợp lý của nhân dân để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; cha mẹ có trách nhiệm phối hợp với nhà trường để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

b) Khuyến khích, tạo điều kiện để các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đầu tư phát triển trường, lớp mầm non ngoài công lập (tư thục) theo tinh thần Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

c) Tại các vùng khó khăn có giải pháp thích hợp huy động sự đóng góp công sức lao động của nhân dân cùng với ngân sách Nhà nước để xây dựng trường, lớp; kết hợp chính sách của địa phương với chính sách hỗ trợ của Nhà nước để tổ chức ăn bán trú hoặc thực hiện chương trình bữa ăn học đường tại lớp cho tất cả trẻ em 5 tuổi nhằm tạo điều kiện thuận lợi để dạy tiếng Việt cho trẻ.

IV. Kinh phí thực hiện Đề án

1. Nhu cầu kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011-2015 là: 268,19 tỷ đồng. Được triển khai theo 3 dự án sau:

a) Dự án 1: Kinh phí xây dựng phòng học, phòng chức năng, dự kiến: 222,475 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng đủ phòng học để trẻ mẫu giáo 5 tuổi học 2 buổi/ngày, đạt tỷ lệ 1 lớp/1 phòng. Mức chi phí đầu tư xây dựng bình quân một phòng kiên cố,

diện tích 110m^2 (bao gồm phòng học, phòng ngủ, phòng vệ sinh) là 380 triệu đồng. Số phòng cần xây mới: 397 (gồm 257 số phòng còn thiếu, 35 phòng tạm, 105 phòng nhờ mượn). Năm 2011 đã xây 62 phòng bằng nguồn kinh phí tự cân đối ngân sách của các huyện, thị, thành phố. Như vậy từ 2012-2015 phải xây 335 phòng, dự kiến kinh phí thực hiện: 127,3 tỷ đồng. *(Chi tiết có biểu số 1 kèm theo)*

- Đầu tư xây dựng khối phòng chức năng (văn phòng, phòng y tế, phòng vệ sinh, phòng giáo dục âm nhạc, phòng giáo dục thể chất, bếp một chiều...) phục vụ các cháu trong sinh hoạt tại trường. Tổng số phòng xây mới là 705 (1 phòng/45m^2). Diện tích cần xây mới là 31.725m^2 (đơn giá 3 triệu đồng/m^2). Dự kiến kinh phí thực hiện: 95,175 tỷ đồng.

b) Dự án 2: Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ chơi, dự kiến: 30,673 tỷ đồng.

- Chi mua sắm trang thiết bị, đồ chơi tối thiểu và thiết bị nội thất dùng chung cho các lớp mầm non 5 tuổi, mỗi lớp/1 bộ, bổ sung 561 bộ/728 lớp mẫu giáo 5 tuổi. Dự kiến kinh phí thực hiện 24,123 tỷ đồng.

- Mua 85 bộ đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non có lớp mẫu giáo 5 tuổi, dự kiến kinh phí thực hiện 4,293 tỷ đồng.

- Mua 107 bộ thiết bị phần mềm để ứng dụng CNTT cho nhà trường, dự kiến kinh phí thực hiện 2,257 tỷ đồng. *(Chi tiết có biểu số 2 kèm theo)*

c) Dự án 3: Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ trẻ em khó khăn (theo Quyết định 239) đến lớp, dự kiến: 15,04 tỷ đồng.

- Kinh phi bồi dưỡng nâng chuẩn 463 giáo viên là 2,09 tỷ đồng.

- Chi hỗ trợ cho trẻ em 5 tuổi học ở các cơ sở giáo dục mầm non có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, núi cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ không có nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế; cha mẹ thuộc diện nghèo theo quy định của Nhà nước. Mức trợ cấp 120 nghìn đồng/tháng (một năm học 9 tháng). Dự kiến kinh phí hỗ trợ trong 5 năm là 12,949 tỷ đồng. *(Chi tiết có biểu số 3 kèm theo)*

2. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015

Theo Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010, UBND tỉnh dự kiến kinh phí Đề án phổ cập giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015 được thực hiện từ các nguồn chi với tỷ lệ như sau:

Tổng kinh phí: 268,19 tỷ đồng.

Trong đó:

a) Ngân sách Nhà nước (85%): 227, 96 tỷ đồng; trong đó:

- Chi thường xuyên (10%): 22,80 tỷ đồng;

- Chi đầu tư (20%): 45,60 tỷ đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia (35 %): 79,79 tỷ đồng;

- Vốn ODA (35%): 79,79 tỷ đồng.

b) Nguồn kinh phí khác (15 %): 40,23 tỷ đồng; trong đó:

- Học phí công lập (60%): 24,14 tỷ đồng;

- Tài trợ, đóng góp của cộng đồng trong và ngoài nước (40%): 16,09 tỷ đồng.

Ngoài ra, kinh phí từ Trung ương sẽ hỗ trợ 8,36 tỷ đồng để xây dựng 02 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tại các huyện khó khăn theo danh mục của Chính phủ tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững. Trong tổng kinh phí chung của Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi cả nước đã được Chính phủ phê duyệt là 14.660 tỷ đồng.

V. Nhu cầu bổ sung chỉ tiêu biên chế thực hiện phổ cập mẫu giáo 5 tuổi cho các trường mầm non

- Theo Nghị quyết 151/NQ-HĐND, ngày 16/7/2010 của HĐND tỉnh Phú Yên đã chuyển 87 trường mầm non bán công, dân lập sang trường công lập. Theo đó, Tỉnh đã bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non năm học 2010-2011 cho các trường này. Tuy nhiên, hiện nay các trường này vẫn còn thiếu biên chế về giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên. Mặt khác giáo dục mầm non của tỉnh Phú Yên ngày càng phát triển nên nhu cầu bổ sung biên chế rất lớn *(có biểu số 4 kèm theo)*.

- Để đảm bảo việc bổ sung biên chế đầy đủ, chính xác, hằng năm trên cơ sở phát triển giáo dục mầm non trong tỉnh, các Phòng Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào số lượng học sinh, quy mô phát triển trường lớp và các văn bản quy định của Trung ương về định mức biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non, tham mưu cho UBND huyện, thị xã, thành phố làm đề án về nhu cầu bổ sung biên chế trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định. *(Chi tiết có biểu số 4 kèm theo)*

VI. Tổ chức thực hiện

1. Lộ trình thực hiện

Kế hoạch thực hiện Đề án được chia làm 2 giai đoạn: Giai đoạn 2011- 2012 và 2013-2015.

a) Giai đoạn 2011 đến 2012:

- Ban hành các văn bản chỉ đạo về triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non ở các cấp. Chỉ đạo xây dựng Đề án phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, giai đoạn 2010-2015. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến Đề án để chính quyền các cấp, các tổ chức và nhân dân ủng hộ nhằm huy động tối đa trẻ 5 tuổi ở mọi vùng đến lớp;

- Tiến hành công tác điều tra thống kê và lập hồ sơ phổ cập trên địa bàn từng thôn, xã, huyện thị;

- Thực hiện phân bổ và tăng ngân sách thường xuyên hàng năm theo định mức cho số trẻ tại các trường công lập, có chính sách hỗ trợ đối với trẻ thuộc diện chính sách học tại các trường;

- Xây dựng mới số phòng học và phòng chức năng cho lớp mầm non 5 tuổi; tất cả các trường, lớp công lập đều đảm bảo tỷ lệ 1 lớp/1 phòng học;

- Mở rộng thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới cho các lớp mầm non 5 tuổi;

- Cung cấp bổ sung bộ thiết bị tối thiểu cho lớp mầm non 5 tuổi, cung cấp máy vi tính và phần mềm trò chơi để cho trẻ làm quen với tin học;

- Bồi dưỡng nâng chuẩn cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non dạy lớp 5 tuổi;

- Huy động thêm nguồn lực từ cộng đồng và doanh nghiệp để bổ sung cơ sở vật chất, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục;

- Tập trung chỉ đạo, kiểm tra, chuẩn bị thủ tục để xét công nhận phổ cập cho 3 huyện, thị xã, thành phố vào năm 2013;

- Tổng kết giai đoạn 1 thực hiện Đề án phổ cập trẻ em 5 tuổi.

b) Giai đoạn 2013 đến 2015:

- Tiếp tục chỉ đạo và hỗ trợ các huyện thị khó khăn về cơ sở vật chất, bổ sung số phòng học, phòng chức năng còn thiếu;

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn cho số giáo viên mẫu giáo dạy lớp 5 tuổi;

- Kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ở 3 huyện, thị xã, thành phố vào cuối năm 2013;

- Tăng cường cung cấp tiếp bộ thiết bị tối thiểu cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi thực hiện chương trình mới;

- Tiếp tục đào tạo bồi dưỡng giáo viên, đáp ứng yêu cầu phổ cập;

- Nâng cao chất lượng các lớp thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới qua các hội nghị chuyên đề, qua các đợt kiểm tra chuyên môn;

- Lập kế hoạch kiểm tra và công nhận phổ cập các đơn vị huyện còn lại. Toàn tỉnh đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2015;

- Tổng kết 5 năm thực hiện Đề án Phổ cập trẻ em 5 tuổi.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THEO TỪNG GIAI ĐOẠN

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 1 (2011-2012)				Giai đoạn 2 (2013-2015)	
			Năm 2011		Năm 2012			
			Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
1	Xây dựng phòng học mới	Phòng	-	-	100	38	235	89,3
2	Xây dựng phòng chức năng	Phòng	-	-	160	21,5	545	73,575
3	Mua thiết bị cho 1 lớp học	Bộ	61	2,623	150	6,45	350	15,05
4	Mua đồ chơi ngoài trời	Bộ	15	0,76	25	1,263	45	2,27
5	Mua thiết bị làm quen tin học, ngoại ngữ	Bộ	-	-	35	0,74	72	1,52
6	Bồi dưỡng nâng chuẩn giáo viên	Người	-	-	140	0,63	323	1,455
7	Hỗ trợ trẻ em 5 tuổi nghèo, khó khăn	Người	2.390	2,580	2.400	2,592	7.200	7,78
	TỔNG CỘNG			**5,964**		**71,274**		**190,950**
Tổng kinh phí thực hiện: 268,19 tỷ đồng								

Trong đó:

- Năm 2011 đã cấp 3,174 tỷ đồng cho các huyện, thị, thành phố từ nguồn chương trình mục tiêu quốc gia.

- Như vậy, từ tháng 9/2011-2015: Kinh phí thực hiện Đề án là: 265,01 tỷ đồng.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể

a) Sở Giáo dục và Đào tạo: Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Đề án. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các ban, ngành triển khai thực hiện các dự án của Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2011-2015; kiểm tra, chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn các địa phương, xây dựng các đề án chi tiết, cụ thể hóa những nội dung của Đề án để triển khai thực hiện Đề án hiệu quả.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo, thẩm định chương trình đầu tư cho giáo dục mầm non thuộc Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2011-2015 trong chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010-2015, trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm cho giáo dục mầm non ở các huyện, thị xã, thành phố.

c) Sở Tài chính:

- Bố trí ngân sách từ nguồn chi thường xuyên và từ các chương trình mục tiêu cho giáo dục mầm non để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, tiến độ của Đề án; tăng cường thanh tra, kiểm tra tài chính theo đúng qui định của Luật Ngân sách Nhà nước;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu cải tiến việc phân bổ ngân sách; xây dựng bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách cần thiết về tài chính nhằm phát triển giáo dục mầm non.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Xác định quỹ đất đảm bảo đủ diện tích dành cho việc xây dựng trường, lớp mầm non đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh.

e) Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng thiết kế trường, lớp mầm non đảm bảo đúng thiết kế trường mầm non đạt chuẩn quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

f) Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách về biên chế giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên đảm bảo cho phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi và hoạt động giáo dục cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

g) Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non;

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, giám sát công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng trong các trường, lớp mầm non 5 tuổi theo các mục tiêu phổ cập; phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục tại gia đình.

h) Sở Lao động-Thương binh và Xã hội:

- Có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, địa phương tăng cường công tác truyền thông, vận động xã hội để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và phát triển giáo dục mầm non, bảo vệ quyền trẻ em được học đầy đủ chương trình giáo dục mầm non trước khi vào học lớp 1;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách xã hội khác đối với giáo viên và trẻ mầm non.

i) Ủy ban nhân dân các cấp:

- Xây dựng Đề án, dự án cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để chỉ đạo, triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn hiệu quả;

- Chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, huy động trẻ 5 tuổi đến trường;

- Chỉ đạo việc dành quỹ đất, xây dựng đủ phòng học, phòng chức năng, bảo đảm thuận tiện cho việc thu hút trẻ em đi học trên địa bàn; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đồ chơi đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục mầm non mới; bảo đảm bố trí đủ ngân sách chi cho phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đúng theo quy định;

- Chỉ đạo việc thực hiện các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng; thực hiện đúng các chế độ chính sách cho giáo viên mầm non, học sinh thuộc diện chính sách trên địa bàn theo quy định; những nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng khó khăn thì có kế hoạch chỉ đạo các trường tổ chức bữa ăn học đường cho trẻ để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi có chất lượng;

- Ưu tiên và dành kinh phí cho phổ cập mầm non 5 tuổi theo tỷ lệ và nguồn kinh phí Đề án đã đề cập; huy động các nguồn lực; lồng ghép với các chương trình mục, đề án nhất là chương trình Phát triển nông thôn mới; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị cho trường mầm non ngày càng đồng bộ;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng kết thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn theo quy định.

k) Các tổ chức chính trị xã hội: Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội tham gia tích cực phát triển giáo dục mầm non, vận động trẻ em đến nhà trẻ, lớp mẫu giáo, thực hiện tốt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện tốt Đề án này./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

Biểu 1. Nhu cầu kinh phí xây dựng phòng học, phòng chức năng

Năm	Xây dựng thêm phòng học mới		Xây dựng khối phòng chức năng			Tổng kinh phí (tỷ đồng)
	Số lượng (phòng)	Kinh phí (tỷ đồng)	Số phòng	Số lượng (m^2)	Kinh phí (tỷ đồng)	
2011	62					
2012	100	38,00	160	7.200	21,6	59,60
2013	100	38,00	200	9.000	27	65,00
2014	100	38,00	200	9.000	27	65,00
2015	35	13,30	145	6.525	19,575	32,88
Cộng	**397**	**127,30**	**705**	**31.725**	**95,175**	**222,48**

Biểu 2. Nhu cầu mua sắm trang thiết bị, đồ chơi

Năm	Thiết bị cho 1 lớp học		Đồ chơi ngoài trời cho 1 trường mầm non		Thiết bị cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học		Tổng kinh phí (tỷ đồng)
	Số lượng (bộ)	Kinh phí (tỷ đồng)	Số lượng (bộ)	Kinh phí (tỷ đồng)	Số lượng (bộ)	Kinh phí (tỷ đồng)	
2011	61	2,623	15	0,758	0	0	3,381
2012	150	6,450	25	1,263	35	0,739	8,451
2013	150	6,450	20	1,010	30	0,633	8,093
2014	100	4,300	15	0,758	20	0,422	5,480
2015	100	4,300	10	0,505	22	0,464	5,269
Cộng	**561**	**24,123**	**85**	**4,293**	**107**	**2,258**	**30,673**

* TB 1 lớp: 43 triệu đồng. ĐCNT: 50,5 triệu đồng. TB Tin học: 21,1 triệu đồng.

Biểu 3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi giai đoạn 2010-2015

Năm	Bồi dưỡng nâng chuẩn giáo viên		Hỗ trợ trẻ em 5 tuổi nghèo, khó khăn, khuyết tật		Tổng kinh phí (tỷ đồng)
	Số lượng (giáo viên)	Kinh phí (tỷ đồng)	Số lượng (trẻ)	Kinh phí (tỷ đồng)	
2011	150	0,675	2.390	2,581	3,256
2012	140	0,630	2.400	2,592	3,222
2013	130	0,585	2.400	2,592	3,177
2014	43	0,194	2.400	2,592	2,786
2015			2.400	2,592	
Cộng	**463**	**2,084**	**11.990**	**12,949**	**15,040**

Biểu 4. Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non Phú Yên giai đoạn 2011-2015

	I. QUY MÔ HỌC SINH				
1	**Tiêu chí**	**Ước 2011-2012**	**2012-2013**	**2013-2014**	**2014-2015**
1.1	**Dân số độ tuổi**				
a	Dân số từ 0-2 tuổi	58.614	59.376	60.148	60.930
	- Trong tổng số: + Dân tộc thiểu số	3.123	3.161	3.182	3.182
	+ Khuyết tật	66	66	66	66
	+ Thuộc các xã đặc biệt khó khăn	7.619	7.627	7.629	7.629
b	Dân số từ 3-5 tuổi	51.620	52.756	53.917	55.103
	- Trong tổng số: + Dân tộc thiểu số	3.717	3.897	3.922	3.922
	+ Khuyết tật	69	71	71	71
	+ Thuộc các xã đặc biệt khó khăn	7.066	7.078	7.096	7.096
c	Dân số 5 tuổi	15.685	15.842	16.000	16.160
	- Trong tổng số: + Dân tộc thiểu số	1.266	1.276	1.288	1.293
	+ Khuyết tật	12	12	14	14
	+ Thuộc các xã đặc biệt khó khăn	2.127	2.132	2.148	2.156
1.2	**Huy động trẻ em nhà trẻ, trẻ mẫu giáo**				
a	**Tổng số (công lập + ngoài công lập)**				
	Tỉ lệ huy động trẻ em nhà trẻ	7,7%	8,0%	8,5%	9,0%
	Tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo	58,0%	60,0%	65,0%	70,0%
	Tỉ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
	Tổng số trẻ em nhà trẻ	4.500	4.750	5.113	5.484
	- Trong tổng số: + Dân tộc thiểu số	28	32	32	32
	+ Khuyết tật học hòa nhập	4	5	5	6
	+ Có tổ chức ăn bán trú	2.638	2.969	3.308	4.570
	Tổng số trẻ mẫu giáo	29.940	31.654	35.046	38.572
	- Trong tổng số: + Dân tộc thiểu số	2.044	2.338	2.471	2.471
	+ Khuyết tật học hòa nhập	29	31	31	32
	+ Có tổ chức ăn bán trú	5.389	5.698	7.009	7.714
	+ Miễn học phí	1.240	1.311	1.451	1.597
	+ Hỗ trợ chi phí học tập	1.240	1.311	1.451	1.597
	Tổng số trẻ mẫu giáo 5 tuổi	15.685	15.842	16.000	16.160

	- Trong tổng số: + Dân tộc thiểu số	1.165	1.174	1.198	1.215
	+ Khuyết tật học hòa nhập	4	4	4	5
	+ Có tổ chức ăn bán trú	2.950	3.143	3.495	3.857
	+ Hỗ trợ ăn trưa				
b	**Huy động công lập**				
	Tỉ lệ huy động nhà trẻ	46,7%	52,0%	53,0%	54,0%
	Tỉ lệ huy động mẫu giáo	82,0%	83,0%	84,0%	85,0%
	Tổng số trẻ em nhà trẻ	2.100	2.470	2.710	2.961
	Tổng số trẻ mẫu giáo	24.551	26.273	29.439	32.786
	II. QUY MÔ VỀ LỚP				
2	**Tiêu chí**	**Ước 2011-2012**	**2012-2013**	**2013-2014**	**2014-2015**
2.1	**Nhà trẻ (0-2 tuổi)**				
	Tổng số nhóm trẻ	175	238	256	274
	- Trong đó: + Nhóm công lập	85	124	136	148
	+ Tỉ lệ trẻ/nhóm	25,7	20,0	20,0	20,0
	+ Tỉ lệ trẻ công lập/nhóm công lập	24,7	20,0	20,0	20,0
2.2	**Mẫu giáo (3-5 tuổi)**				
	Tổng số lớp	1.535	1.623	1.752	1.929
	Trong đó: + Lớp công lập	1.150	1.314	1.472	1.639
	+ Tỉ lệ trẻ/lớp	19,5	19,5	20,0	20,0
	+ Tỉ lệ trẻ công lập/lớp công lập	21,3	20,0	20,0	20,0
	III. QUY MÔ VỀ CƠ SỞ, TRƯỜNG				
3.1	**Nhà trẻ (0-2 tuổi)**	2	2	2	2
	Trong đó: Nhà trẻ công lập	2	2	2	2
3.2	**Trường mẫu giáo (3-5 tuổi)**	13	13	13	13
	Trong đó: Trường mẫu giáo công lập	12	12	12	12
3.3	**Trường mầm non (0-5 tuổi)**	116	116	116	118
	Trong đó: Trường mầm non công lập	108	108	108	110
3.4	**Bình quân số lớp/trường**	13,1	14,2	15,3	16,6
	- Trong đó: Số lớp CL/trường CL	10,1	11,8	13,2	14,4
3.5	Số trường (MN+MG+NT) công lập đạt chuẩn mức 1	15	20	25	30

	Số trường (MN+MG+NT) công lập đạt chuẩn mức 2		0	0	0
	IV. QUY MÔ VỀ GIÁO VIÊN				
4.1	**Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên (CL+NCL)**	**3.814**	**4.047**	**4.110**	**4.195**
	- Trong đó: cán bộ, giáo viên, nhân viên biên chế	1.526	1717	1978	2301
a	**Tổng số giáo viên nhà trẻ**	317	476	512	548
	- Số giáo viên/nhóm	1,81	2,00	2,00	2,00
b	**Tổng số giáo viên mẫu giáo**	2.840	2.840	2.856	2.894
	- Số giáo viên/lớp	1,85	1,75	1,63	1,50
c	**Tổng số cán bộ quản lý (CBQL)**	**257**	**325**	**330**	**335**
	- Chia ra: + Nhà trẻ	5	5	5	5
	+ Mẫu giáo, mầm non	252	320	325	330
d	**Tổng số cán bộ, nhân viên (CBNV)**	**400**	**406**	**412**	**418**
	- Chia ra: + Nhà trẻ	22	22	22	22
	+ Mẫu giáo, mầm non	378	384	390	396
4.2	**Tổng số giáo viên công lập**	**1.466**	**1.693**	**2.038**	**2.263**
	- Trong đó: Giáo viên biên chế	1.460	1.470	1.480	1.490
a	**Tổng số giáo viên nhà trẻ**	**241**	**248**	**272**	**296**
	Chia ra: - Đạt trình độ trên chuẩn	81	90	95	100
	- Đạt trình độ chuẩn	150	150	170	190
	- Chưa đạt trình độ chuẩn	10	8	7	6
	- Số giáo viên/nhóm	2,84	2,00	2,00	2,00
b	**Tổng số giáo viên mẫu giáo**	**1.225**	**1.445**	**1.766**	**1.967**
	Chia ra: - Đạt trình độ trên chuẩn	545	560	600	650
	- Đạt trình độ chuẩn	670	880	1.165	1.317
	- Chưa đạt trình độ chuẩn	10	5	1	0
	- Số giáo viên/lớp	1,07	1,10	1,20	1,20